TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 354/2023/HC-PT
Ngày: 22/9/2023
V/v: *"Kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: ông **Lê Tự**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 184/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2023 về "*Kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3227/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Anh T; cư trú tại: Tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hứa Thị Trung N; cư trú tại: Số A đường L, tổ F, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2022); có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 13/GUQ-UBND ngày 12/5/2022); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Q*:* Ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 21/GUQ-UBND ngày 10/12/2021); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật của UBND phường Q*:* Bà Nguyễn Thị Hải Y - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn H, vắng mặt.

2. Ông Lê Văn L, vắng mặt.

3. Ông Lê Anh Q, vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Đ, vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn B, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị M; (Chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của bà Nguyễn Thị M*:* Các ông bà Lê Anh T, Lê Văn H, Lê Văn L, Lê Anh Q, Lê Thị Đ và Phạm Văn B.

Ông T cư trú tại: Tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định và các ông bà H, L, Q, Đ và B đồng cư trú tại: Tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hứa Thị Trung N; cư trú tại: Số A đường L, tổ F, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2022); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Lê Anh T *và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà* Hứa Thị Trung N *thống nhất trình bày:*

Ngày 13/8/2020, Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND phường Q) lập Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC (viết tắt là Biên bản số 22) đối với hộ ông Lê Anh T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại 06 thửa đất số 4, 6, 7, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7 tại khu phố E, phường Q, thành phố Q xây dựng 06 công trình với diện tích 850,545m^2. Ngày 03/9/2020, ông T nhận được Quyết định số 5900/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (viết tắt là Quyết định số 5900) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T do đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, diện tích 850,545m^2, mức phạt tiền là 22.000.000 đồng, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu

của đất trước khi vi phạm và buộc ông T nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm 500.509.943 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 5900, ông T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (viết tắt là Chủ tịch UBND thành phố Q). Ngày 16/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8750/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông T (viết tắt là Quyết định số 8750). Tại Quyết định số 8750 đã xác định hành vi vi phạm của ông T là lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa và tự ý chuyển mục đích đất phi nông nghiệp vào mục đích đất ở, căn cứ quy định của pháp luật để xử lý ông T theo lỗi này là đúng nên không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông T. Không đồng ý với quyết định trên, ông T tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định).

Ngày 25/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9852/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T (viết tắt là Quyết định số 9852).

Ngày 10/11/2021, ông T nhận được Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (viết tắt là Quyết định số 4356); quyết định trên có nội dung là công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 8750.

Ngày 19/4/2022, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2330/QĐ-CCXP (viết tắt là Quyết định số 2330) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 5354/QĐ-XPHC ngày 10/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Q (viết tắt là Quyết định số 5354).

Ngày 08/9/2022, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6909/QĐ-KPHQ (viết tắt là Quyết định số 6909) về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực xây dựng.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T bị xâm phạm, bởi lẽ:

- Ông T là chủ sở hữu toàn bộ diện tích đất khoảng 20.000m^2 tại tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q. Diện tích trên là do vợ chồng ông T cùng các con đến lập nghiệp và khai hoang, phục hóa, tự cải tạo đất từ khu đất trống, hoang vắng từ năm 1989 tạo nên khuôn viên đất như ngày hôm nay. Thời điểm vợ chồng ông T đến lập nghiệp trên khu vực đất này có nhiều bom đạn do chiến tranh để lại nhưng do đói nghèo nên gia đình ông T đã liều mình thu gom bom đạn, khai phá đất sản xuất trồng lúa, rau, hoa màu, nuôi cá tôm để tồn tại mưu sinh và nuôi các con ăn học. Gia đình ông T có 07 người con, các con của ông lớn lên đều tham gia lao động cùng với vợ chồng ông nhằm cải tạo tăng giá trị sử dụng đất. Trước kia, gia đình ông tự khai hoang, phục hóa tạo thành đất ruộng để canh tác trồng lúa nước, việc canh tác ổn định cho đến năm 2000 thì toàn bộ diện tích ruộng khu vực này bị ngập mặn do Hồ Phú H1 chặn đắp hồ lấy

nước, làm cho nước mặn tràn vào ruộng gia đình nên kể từ đó không thể canh tác trồng lúa được. Tại thời điểm diện tích ruộng khu vực này bị ngập mặn, chính lãnh đạo Cụm kho CK E đã xác nhận vào đơn khiếu nại ruộng đất bị ngập mặn để cho gia đình ông T và một số hộ dân ở đây đi đòi quyền lợi. Do đất ruộng bị ngập mặn, không thể trồng lúa được và do gia đình đông con, kinh tế gia đình phụ thuộc vào khu đất trên nên gia đình ông phải bỏ công sức, tiền của để đổ đất, cải tạo khu đất, chuyển đổi sang trồng hoa màu theo mùa vụ, cây ăn trái, chăn nuôi (cá, heo, gà, vịt) để có thu nhập nuôi sống gia đình. Với hiện trạng khu đất như hiện nay, khối lượng đất bồi trúc, khối lượng công việc lao động rất lớn nên không thể làm lén lút được; nếu gia đình ông T sử dụng đất trái phép thì đã bị ngăn chặn, xử lý từ rất lâu rồi chứ không phải để đến nay mới bị xử lý. Đất ruộng do gia đình ông T tự khai hoang, phục hóa, bỏ tiền và công sức ra để nâng nền, cải tạo đất, nâng giá trị sử dụng đất lên chứ không có hành vi làm giảm giá trị sử dụng đất. Gia đình ông T không có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa và tự ý chuyển mục đích đất phi nông nghiệp vào mục đích đất ở, không lấn chiếm sử dụng từ ngày 01/7/2004 đến nay như các quyết định đã nêu.

- Năm 1998, những người con của ông T là Lê Văn H, Lê Văn L, Lê Anh Q, Lê Thị Đ và Phạm Văn B trưởng thành, lập gia đình. Để các con có chỗ ở ổn định, vợ chồng ông T đã xây dựng 05 căn nhà cấp 4 cho các con ở (02 cái xây năm 2010, 01 cái xây năm 2011, 01 cái xây năm 2016, 01 cái xây năm 2019); các con ông T tự tích lũy, bỏ tiền vốn riêng để tiếp tục bồi đắp, phát triển phần diện tích đất được chia để đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Do nhà ở bị xuống cấp, không đảm bảo an toàn nên các con ông T đã sửa chữa, cơi nới thêm chứ không hề có việc xây dựng mới; chỉ có 01 căn nhà do ông Lê Văn H xây nới thêm nhà để ở năm 2019 thì bị lập biên bản vi phạm hành chính, sau đó Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q (viết tắt là UBND phường Q) xuống đập hết, nếu các căn còn lại mà UBND phường Q xác định là mới xây dựng trái phép thì họ cũng đã đập hết chứ làm gì cho các con ông T ở. Từ năm 1989 cho đến nay, ngoài khu đất này thì chỉ có vợ chồng ông T còn có 01 căn nhà khác để ở, còn các con ông T thì không có nơi ở nào khác. Các con của ông T đều tách khẩu từ khẩu của ông T ra, người tách khẩu sớm nhất là năm 2006 và muộn nhất là 2016. Theo quy định phải có nhà mới tách khẩu được, vậy làm gì có việc các con ông T mới xây dựng nhà từ năm 2020 mà có hộ khẩu riêng từ năm 2006 đến năm 2016 được.

- Gia đình ông T quản lý, sử dụng khu đất trên ổn định, không có ai tranh chấp, chưa bao giờ bị cơ quan nào đến lập biên bản là đổ đất, lấp ruộng trái phép hoặc xây dựng nhà trái phép. Hàng năm, theo chủ trương phải kê khai đất, ông T đều kê khai và nộp cho phường. Không thể vì một biên bản đối với trường hợp ông Lê Văn H mà lôi hết các căn nhà ông T đã xây dựng từ năm 2000 gộp vào để liệt kê thành mới xây dựng như Quyết định số 8750 để xử phạt theo Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Nghị định số 91). Theo Điều 42 của Nghị định số 91 thì trường hợp của gia đình ông T không thuộc trường hợp bị áp

dụng Nghị định số 91 để xử phạt. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố Q vận dụng Nghị định số 91 để xử phạt và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T là không đúng quy định.

- Ngoài ra, hiện trạng đất đã nằm trong diện quy hoạch không còn đất trồng lúa từ năm 2016 nhưng lại buộc ông T khôi phục lại hiện trạng ban đầu (ruộng lúa) với mục đích để không phải bồi thường chi phí tôn tạo, cải tạo đất cho gia đình ông T; khu đất bị thu hồi đất nhưng Nhà nước cũng không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đúng quy định. Gia đình ông T đã bỏ rất nhiều tiền của, công sức để cải tạo khu đất nhưng không được bồi thường chi phí đầu tư mà lại buộc ông T nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm 500.509.943 đồng là không phù hợp.

- Năm 2006, vợ ông T là bà Nguyễn Thị M có đơn xin trình bày về nguồn gốc ruộng đất (viết từ ngày 02/10/2006), nội dung đơn là bà M đã trình bày rõ nguồn gốc khu đất có từ năm 1989, do gia đình ông T khai phá, cải tạo nên, có xác nhận của các nhân chứng là những người lớn tuổi tại địa phương như các cụ Lê L1, Nguyễn Q1, Trần Đức L2. Đơn này được gửi cho UBND phường Q. Năm 2013, gia đình ông T đã kê khai đóng thuế tại khu đất này gửi cho UBND phường Q.

- Ngoài ra, trong khi ông T đang khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Biên bản số 22 và Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án thì Chủ tịch UBND thành phố Q vẫn tiếp tục ban hành Quyết định số 6909 là không đúng quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nói trên, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định số 4356, Quyết định số 6909, Quyết định số 8750, Quyết định số 5900, Quyết định số 9852, Quyết định số 5354, Quyết định số 2330 và Biên bản số 22.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, ông Lê Anh T và bà Hứa Thị Trung N còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông Lê Anh T có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và Tòa án đã thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Tuấn T1 – *Phó Chủ tịch* Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định *trình bày:*

Tại Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 của Chính phủ, diện tích đất hộ ông Lê Anh T khiếu nại thuộc một phần diện tích Hồ Phú H1 (tục danh Ao cá B). Theo Bản đồ địa chính và Sổ mục kê được Sở Địa chính phê duyệt ngày 27/12/2000 gồm 06 thửa đất: Thửa số 04, 06, 07, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7, với tổng diện tích của 06 thửa đất là 5.566,5m^2, loại đất ruộng lúa 1 vụ (1L) do Quân đội – Cụm kho CK 52, Cục K quản lý.

Ngày 13/8/2020, UBND phường Q Biên bản số 22 đối với hộ ông Lê Anh T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại 06 thửa đất trên với diện tích 850,545m^2 và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng mục đích để ở,

trên đất có 06 công trình nhà ở, thời điểm bắt đầu sử dụng các công trình trên từ năm 2010 đến năm 2019.

Ngày 27/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5900 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm 850,545m^2 đất nông nghiệp trồng lúa đối với ông T, với mức phạt tiền là 22.000.000 đồng, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và nộp lại số lợi bất hợp pháp 500.509.943 đồng.

Ngày 25/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9852 về việc cưỡng chế đối với ông T buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thi hành Quyết định số 5900. Hiện trạng thửa đất: Ông T đã san lấp mặt bằng với diện tích 5.566,5m^2 nêu trên, trong đó ông T xây dựng 06 công trình nhà ở với diện tích 850,545m^2 (các người con của ông T đang sử dụng), phần diện tích còn lại ông T trồng cây cối, hoa màu và làm bãi tập kết vật liệu xây dựng.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định tại Văn bản số 151/BC-STNMT ngày 13/8/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4356 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông T; theo đó *"UBND phường Q vi phạm hành chính đối với ông Lê Anh T về hành vi chiếm đất, xây dựng 06 công trình với diện tích 850,545m^2 (có nguồn gốc là đất lúa do Quân đội – Cụm kho CK52, Cục K quản lý). Các công trình này nằm trong khu đất được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Đô thị - – Văn hóa – Thể thao hồ P, thành phố Q tại Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 01/12/2016.*

Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91 thì buộc ông Lê Anh T khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm vì không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (viết tắt là Nghị định số 43). Do đó, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5900 về việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất đai đối với ông Lê Anh T là đúng quy định của pháp luật.

Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 8750 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Lê Anh T ở tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q".

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định số 4356 được ban hành đúng quy định của pháp luật; do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu hủy quyết định nói trên.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày:

[1] Về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai:

Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 14/8/2020 và Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 20/8/2020 của UBND phường Q về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ vi phạm, Đội Trật tự đô thị thành phố Q xét thấy: Hành vi vi phạm của ông Lê Anh T thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND thành phố Q. Do đó, Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5900. Ngày 04/9/2020, UBND phường Q có biên bản tống đạt Quyết định số 5900.

Ngày 15/9/2020, Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 15/9/2020 của UBND phường Q về việc ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9852.

Ngày 05/7/2021, Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được Văn bản số 594/TNMT ngày 30/6/2021 của Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố Q về việc kiểm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Lê Anh T tại tổ D, khu V, phường Q. Theo đó, có đề xuất UBND thành phố Q giao Đội Trật tự đô thị thành phố Q tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 5900 (bổ sung thêm về biện pháp khắc phục hậu quả). Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 4782/QĐ-SĐXPVPHC ngày 09/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Quyết định số 4782) là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2022, Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận được Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 13/4/2022 của UBND phường Q về việc ban hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp ông Lê Anh T.

Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2330.

[2] Về việc giải quyết đơn khiếu nại:

Ông Lê Anh T khiếu nại Quyết định số 5900 vì ông cho rằng việc lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 13/8/2020 đối với nhà được xây dựng từ những năm 2000 trở về trước là không đúng quy định và Quyết định số 5900 dựa trên biên bản vi phạm hành chính trên là không đúng quy định pháp luật.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

Ngày 12/8/2020, UBND phường Q Biên bản số 02/BB-XM xác minh vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Lê Anh T tại tổ D, khu V, phường Q, thành phố Q (viết tắt Biên bản số 02). Nội dung xác minh: Ông Lê Anh T chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại các thửa đất số 4, 6, 7, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7 (theo bản đồ đo đạc năm 2000 thể hiện đất lúa) với

diện tích 850,545m^2 tại tổ D, khu phố E, phường Q và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng mục đích ở.

Ngày 13/8/2020, UBND phường Q Biên bản số 22 và Biên bản số 03/BB-XM ngày 19/8/2020 (viết tắt Biên bản số 03) xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Lê Anh T với hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại các thửa đất số 4, 6, 7, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7 (trên bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 thể hiện đất lúa) với diện tích 850,545m^2 tại tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất ở. Hiện trạng:

- Công trình 1: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích 4,85m x 20,5m = 99,425m^2. Thời điểm bắt đầu sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 2: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích [(4,73m+5,14m)/2] x 28.3m = 139,66m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 3: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích (9,6m x 9,86m) + (6,55m x 6,35m) = 136,24m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 09/6/2011.

- Công trình 5: Mái hiên, dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích (15,45m x 12m) + (14m x 6,7m) + (3,55m x 7,05m) = 304,22m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 19/3/2016.

- Công trình 6: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 12m x 9m = 108m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 15/2/2018.

- Công trình 7: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 9m x 7m = 63m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 05/3/2019.

Hành vi của ông T vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91.

Ngày 24/8/2020, Phòng T trường thành phố Q có Văn bản số 544/TNMT về việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính của ông Lê Anh T.

Ngày 27/8/2020, Đội Trật tự đô thị thành phố Q có Tờ trình số 104/TTr-TTĐT về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Anh T.

Ngày 27/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5900.

Kết luận: Việc ông Lê Anh T cho rằng việc lập biên bản vi phạm hành chính ngày 13/8/2020 đối với nhà được xây dựng từ những năm 2000 trở về trước là không đúng và đồng thời, ông T cho rằng Quyết định số 5900 dựa trên biên bản vi phạm hành chính ngày 13/8/2020 là không đúng quy định vì hành vi vi phạm hành chính xây dựng nhà ở, chuyển mục đích sử dụng đất đều xảy ra gần 20 năm nay và cũng chấm dứt gần 20 năm nay nên không còn thời hiệu để xử phạt hành chính là không có cơ sở để xem xét giải quyết; bởi lẽ: Căn cứ

khoản 4 Điều 4 của Nghị định 91, hành vi của ông T được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện và căn cứ theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 91 quy định về điều khoản chuyển tiếp thì hành vi vi phạm của ông T không nằm trong các trường hợp chuyển tiếp theo quy định tại Nghị định 91:

"1. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính như sau:

a) Trường hợp đã lập biên bản vi phạm nhưng chưa có quyết định xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà hành vi đó đã hết thời hiệu xử phạt hoặc không thuộc trường hợp xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì không thực hiện việc xử phạt đối với hành vi vi phạm đó;

b) Trường hợp đã lập biên bản vi phạm nhưng chưa có quyết định xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà hành vi đó còn trong thời hiệu xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì tiếp tục thực hiện xử phạt hành vi vi phạm đó.

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp này được thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có hiệu lực thi hành tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đó; trường hợp áp dụng Nghị định này để xử phạt có lợi hơn cho đối tượng vi phạm thì thực hiện xử phạt theo Nghị định này;

c) Trường hợp đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện xong thì tiếp tục thực hiện theo quyết định xử phạt đó;

d) Trường hợp đã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính mà vẫn tiếp tục vi phạm và các trường hợp ngoài quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì áp dụng Nghị định này để xử phạt vi phạm.

2. Trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đã ban hành nhưng chưa thực hiện hoặc đã thực hiện xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết."

Do đó, UBND phường Q đã lập biên bản vi phạm hành chính và tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T theo Nghị định 91 là đúng quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 của Luật đất đai năm 2013 về những hành vi bị nghiêm cấm "Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai", ông T đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất ở.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 14 của Nghị định 91 "*Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, thì hình thức và mức xử phạt như sau:*

Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta".

Căn cứ các điểm a và d khoản 7 Điều 14 của Nghị định 91:

"a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này."

Ngày 13/8/2020, UBND phường Q Biên bản số 22 và Biên bản số 03 xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông T.

Trên cơ sở đề nghị của UBND phường Q và Đội Trật tự đô thị thành phố Q, ngày 27/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5900 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về việc ban hành Quyết định số 6909:

Ngày 30/8/2022, UBND phường Q có Tờ trình số 109/TTr-UBND về việc ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động xây dựng tại tổ D, khu phố E, phường Q đối với ông Lê Anh T.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ vi phạm, Đội Trật tự đô thị thành phố Q nhận thấy hành vi vi phạm của ông Lê Anh T: Xây dựng công trình nhà ở không có giấy phép của cấp có thẩm quyền tại một phần thửa đất số 15, tờ bản đồ số 7 (theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 thể hiện đất trồng lúa do Nhà nước quản lý) thuộc tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, với diện tích vi phạm: 112,4m^2. Hiện trạng: Móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn. Hành vi này được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở (viết tắt là Nghị định 23).

Hành vi vi phạm nói trên của ông T thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND thành phố Q. Trên cơ sở đó, Đội Trật tự đô thị thành phố Q đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6909 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực xây dựng. Ngày 13/9/2022, UBND phường Q có biên bản tống đạt Quyết định số 6909, ông T đã nhận quyết định nhưng không ký vào biên bản tống đạt. Việc Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 6909 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 83 của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày

28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng (viết tắt là Nghị định số 16) và Nghị định số 23.

Qua quá trình xử lý vi phạm hành chính và giải quyết đơn khiếu nại đối với ông T, Chủ tịch UBND thành phố Q nhận thấy ông T đã có các hành vi vi phạm hành chính gây ra về lĩnh vực đất đai, cho nên việc ông T yêu cầu hủy bỏ các quyết định nêu trên là không có cơ sở.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, bà Nguyễn Thị Hải Y *– Chủ tịch* Ủy ban nhân dân phường Q *trình bày:*

Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2000, số hiệu mảnh bản đồ gốc 524628-2-(14), các thửa đất 04, 06, 07, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7 thuộc tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q; mục đích sử dụng: (1L); tên chủ sử dụng: Quân đội.

Qua kiểm tra thực tế vi phạm của ông T và căn cứ Nghị định số 91, ngày 13/8/2000, UBND phường Q Biên bản số 22.

Ông Lê Anh T chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại các thửa đất số 4, 6, 7, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7 (trên bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 thể hiện đất lúa) với diện tích 850,545m^2 tại tổ D, khu phố E, phường Q, thành phố Q và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất ở.

Hiện trạng trên đất sử dụng mục đích đất ở:

- Công trình 1: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích 4,85m x 20,5m = 99,425m^2. Thời điểm bắt đầu sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 2: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích [(4,73m+5,14m)/2] x 28.3m = 139,66m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 3: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích (9,6m x 9,86m) + (6,55m x 6,35m) = 136,24m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 09/6/2011.

- Công trình 5: Mái hiên, dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích (15,45m x 12m) + (14m x 6,7m) + (3,55m x 7,05m) = 304,22m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 19/3/2016.

- Công trình 6: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 12m x 9m = 108m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 15/2/2018.

- Công trình 7: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 9m x 7m = 63m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 05/3/2019.

Hành vi của ông T vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91.

Qua kiểm tra hiện trạng vi phạm chiếm đất nông nghiệp và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích đất ở của ông T và căn cứ Nghị

định số 91, UBND phường Q xác lập hồ sơ vi phạm hành chính là đúng quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Lê Văn H, Lê Văn L, Lê Anh Q, Lê Thị Đ và Phạm Văn B và người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Trung N thống nhất trình bày:

Những người nói trên thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T. Ngoài ra, không có ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Nội dung vụ án được xác định như trên, **Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/4/2008, Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm xây dựng đô thị, Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

1.1. Quyết định số 5900/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.2. Quyết định số 8750/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.3. Quyết định số 9852/QĐ-CCXP ngày 25/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.4. Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

1.5. Quyết định số 2330/QĐ-CCXP ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.6. Quyết định số 5354/QĐ-XPHC ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.7. Quyết định số 6909/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.8. Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 11/7/2023, người khởi kiện – ông Lê Anh T (Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy: Quyết định số 5900/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 8750/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 9852/QĐ-CCXP ngày 25/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 2330/QĐ-CCXP ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 5354/QĐ-XPHC ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 6909/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, sửa Bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định nêu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lê Anh T (Người khởi kiện) đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy: Quyết định số 5900/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 8750/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 9852/QĐ-CCXP ngày 25/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 2330/QĐ-CCXP ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 5354/QĐ-XPHC ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Quyết định số 6909/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định thì thấy:

[2.1]. Ngày 13/8/2020, UBND phường Q Biên bản số 22 đối với ông Lê Anh T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại 06 thửa đất với diện tích 850,545m^2 và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng mục đích để ở, trên đất có 06 công trình nhà ở, thời điểm bắt đầu sử dụng các công trình trên từ năm 2010 đến năm 2019; cụ thể như sau:

- Công trình 1: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích 4,85m x 20,5m = 99,425m^2. Thời điểm bắt đầu sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 2: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích [(4,73m+5,14m)/2] x 28.3m = 139,66m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 31/7/2010.

- Công trình 3: Nhà xây móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích (9,6m x 9,86m) + (6,55m x 6,35m) = 136,24m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 09/6/2011.

- Công trình 5: Mái hiên, dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích (15,45m x 12m) + (14m x 6,7m) + (3,55m x 7,05m) = 304,22m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 19/3/2016.

- Công trình 6: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 12m x 9m = 108m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 15/2/2018.

- Công trình 7: Nhà dựng khung gỗ, vách tôn, mái lợp tôn, diện tích 9m x 7m = 63m^2. Thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng ngày 05/3/2019.

Các công trình này nằm trong khu đất được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Đô thị - – Văn hóa – Thể thao hồ P, thành phố Q tại Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 01/12/2016.

[2.2]. UBND phường Q Biên bản số 22 có căn cứ vì:

Diện tích đất ông T xây dựng các công trình trên theo Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 của Chính phủ, diện tích đất hộ ông Lê Anh T khiếu nại thuộc một phần diện tích Hồ Phú H1 (tục danh Ao cá B). Theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 21/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ thì ngày 21/9/1998, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định giao khu đất trên cho Bộ E - Bộ Q2 sử dụng toàn bộ khu đất trên để xây dựng Kho CK 52. Ngày 05/8/2004, Quân khu E có biên bản bàn giao nguyên trạng khu đất Cụm kho CK 52 cho UBND tỉnh Bình Định quản lý, thể hiện qua Biên bản bàn giao đất quốc phòng của Quân khu E cho UBND tỉnh Bình Định quản lý, sử dụng. Theo Bản đồ địa chính và Sổ mục kê được Sở Địa chính phê duyệt ngày 27/12/2000 thì khu đất trên gồm 06 thửa đất: Thửa số 04, 06, 07, 25, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 15, 71, tờ bản đồ số 7, với tổng diện tích của 06 thửa đất là 5.566,5m^2, loại đất ruộng lúa 1 vụ (1L) do Quân đội – Cụm kho CK 52, Cục E quản lý, không có tên của hộ gia đình ông T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông T không cung cấp được các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc sử dụng đất nói trên của ông T đã được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai hoặc của tổ chức, cá nhân khác cho phép.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định diện tích đất ông Lê Anh T khiếu nại thuộc khu đất do Quân đội - Cụm kho CK 52, Cục E quản lý và sau này bàn giao lại cho UBND tỉnh Bình Định quản lý, sử dụng; không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình ông T và căn cứ Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì ông T không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.4] Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 91 *"Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép; b) Tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép;..."* thì ông T đã có hành vi chiếm đất nông

nghiệp là đất trồng lúa tại 06 thửa đất trên với diện tích 850,545m^2 và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng mục đích để ở, trên đất có 06 công trình nhà ở, thời điểm bắt đầu sử dụng các công trình trên từ năm 2010 đến năm 2019. Do đó, UBND phường Q đã lập Biên số 22 đối với ông Lê Anh T về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại 06 thửa đất trên với diện tích 850,545m^2 và tự ý chuyển sang đất phi nông nghiệp sử dụng mục đích để ở, trên đất có 06 công trình nhà ở, thời điểm bắt đầu sử dụng các công trình trên từ năm 2010 đến năm 2019 là đúng quy định.

[2.5]. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91 *"Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, thì hình thức và mức xử phạt như sau: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta",* khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91 *"Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị thì mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức."*, điểm a khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91 *"Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này"* và khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 91 *"Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm quy định tại Điều 14 của Nghị định này thì số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được xác định bằng giá trị của phần diện tích đất lấn, chiếm trong thời gian vi phạm (kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất lấn, chiếm đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính), tính theo giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất đối với loại đất đang sử dụng sau khi lấn, chiếm tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính"* thì Quyết định số 5900 và Quyết định số 4782 về việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm 850,545m^2 đất nông nghiệp trồng lúa đối với ông T, với mức phạt tiền là 22.000.000 đồng, buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm, nộp lại số lợi bất hợp pháp 500.509.943 đồng được ban hành có căn cứ về nội dung.

[3]. Do ông T đã có hành vi xây dựng công trình nhà ở không có giấy phép của cấp có thẩm quyền, lấn chiếm đất, xây dựng công trình nhà ở trên đất trồng lúa một vụ không có giấy phép của cấp có thẩm quyền nên căn cứ quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/4/2008, các khoản 1 và 5 Điều 4 của Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm xây dựng đô thị; khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ban hành Quyết định số 5354 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Như nhận định nói trên, nội dung Quyết định số 5900 được ban hành có căn cứ; do đó, Quyết định số 4356 và Quyết định số 8750 là các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai của ông T đối với Quyết định số 5900 cũng được ban hành có căn cứ và đúng pháp luật. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 166 quy định: *" Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành."* thì Quyết định số 9852 và Quyết định số 2330 được ban hành có căn cứ và đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 83 của Nghị định số 16 và điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 23 thì Quyết định số 6909 được ban hành có căn cứ và đúng pháp luật.

[5]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án sơ thẩm Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc yêu cầu hủy các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định và các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[6]. Kháng cáo của ông Lê Anh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Lê Anh T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 38, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các điểm a, b khoản 2 Điều 3 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

1.1. Quyết định số 5900/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.2. Quyết định số 8750/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.3. Quyết định số 9852/QĐ-CCXP ngày 25/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.4. Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

1.5. Quyết định số 2330/QĐ-CCXP ngày 19/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.6. Quyết định số 5354/QĐ-XPHC ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.7. Quyết định số 6909/QĐ-KPHQ ngày 08/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.8. Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Anh T.

3. Án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến